CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Báo cáo tài chính riêng

Quý II năm 2021 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

Do đơn vị tự lập chưa được kiểm toán

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	
Bảng cân đối kế toán riêng	04 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08 - 08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09 - 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 - 58

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo cả (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty Quý II năm 2021 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Công ty

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0400101965 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/06/2010; Đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 15 tháng 07 năm 2021.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2021 là: **2.673.840.900.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân,P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: Quản lý, khai thác, bảo trì hầm đường bộ Hải Vân; Hầm đường bộ Đèo cả, Cổ Mã, Hầm đường bộ Cù Mông, Hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia; quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng các tuyến đường quốc lộ được giao. Đảm bảo giao thông khi có thiên tai địch họa xảy ra trên địa bàn được giao. Dịch vụ thu phí cầu đường; Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, gồm: Chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua hầm đường bộ bằng phương tiện chuyên dùng, kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt; Xây dựng nhà các loại; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Sữa chữa các sản phẩm đúc sẵn; Sữa chữa máy móc thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa thiết bị khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Lắp đặt hệ thống điện;

Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Lập trình máy vi tính; Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bốc xếp hàng hóa; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Hoạt động tư vấn quản lý; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức du lịch; Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại; Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế;

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty con:

Tên Công ty	*Tỷ lệ lợi ích*	*Tỷ lệ biểu quyết*	*Vốn đầu tư (VND)*
- Công ty Cổ Phần Bot Bắc Giang Lạng Sơn	65,58%	65,58%	902.303.650.000
- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	70,36%	70,36%	1.439.831.250.000
- Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	99,47%	99,47%	272.331.000.000

Công ty liên doanh, liên kết:

Tên Công ty	*Tỷ lệ lợi ích*	*Tỷ lệ biểu quyết*	*Vốn đầu tư (VND)*
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	21,95%	21,95%	13.500.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	47,04%	50,0%	122.000.000.000
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	31,60%	31,60%	134.000.000.000

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên Công ty	*Địa chỉ*
+ Xí Nghiệp Thi Công Xây Lắp Công Trình	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Sản Xuất Dịch Vụ Thương Mại Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Đèo Cả	Thôn Hảo Sơn, Xã Hòa Xuân Nam, Huyện Đông Hoà, Phú Yên.
+ Xí nghiệp Quản lý, vận hành hầm đường bộ Cù Mông	Thôn Long Thạch, Xã Xuân Lộc, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên
+ Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	Địa chỉ: Km81+140, Tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, Xã Hồ Sơn, Huyện Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 30/06/2021 được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30/06/2021 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 12/2021/NQ-HĐQT ngà 24 tháng 4 năm 2021, Công ty thực hiện góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Vinalog với tổng số tiền 9.000.000.000 VNĐ, chiếm 30% vốn điều lệ của Công ty này. Công ty Cổ phần Đầu tư Vinalog được thành lập theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0402096333 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 26/4/2021. Công ty đã góp đủ số vốn đăng ký vào Công ty Cổ phần Đầu tư Vinalog trong tháng 07/2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông:	Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch	08-08-2019	
Ông:	Nguyễn Tấn Đông	Phó chủ tịch	08-08-2019	
Ông:	Trần Văn Thế	Phó chủ tịch	05-04-2019	
Ông:	Võ Thụy Linh	Thành viên	21-07-2015	
Ông:	Hoàng Văn Hải	Thành viên độc lập	17-06-2020	
Ông:	Nguyễn Thanh Trang	Thành viên	17-06-2020	
Ông:	Trần Chủng	Thành viên	17-06-2020	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông:	Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc	21-12-2020	
Ông:	Võ Ngọc Trung	Phó Tổng giám đốc	10-12-2020	
Ông:	Lê Thanh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	01-09-2020	30-03-2021
Ông:	Trần Văn Dũng	Phó Tổng giám đốc	14-01-2021	
Bà:	Nguyễn Quỳnh Mai	Phó Tổng giám đốc	30-03-2021	

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông:	Nguyễn Minh Giang	Trưởng ban	16-04-2018	
Ông:	Đỗ Thế Vinh	Thành viên	17-06-2020	26-04-2021
Bà	Cam Thị Minh Hải	Thành viên	17-06-2020	
Bà	Phan Thị Mai	Thành viên	26-04-2021	
Đại diện theo pháp luật:				
Ông:	Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc	21-12-2020	
Kế toán trưởng:				
Ông:	Nguyễn Văn Ân		17-06-2020	

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty Quý II năm 2021 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2021. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo cả phê duyệt Báo cáo tài chính riêng Quý II năm 2021 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Công ty .

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 07 năm 2021

Thay mặt Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 0400101965 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ
Q. LIÊN CHIỂU - TP. ĐÀ NẴNG

NGUYỄN QUANG HUY

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**613.064.712.545**	**623.388.235.981**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**V.01**	**69.506.233.235**	**76.734.825.238**
111	1. Tiền		45.706.233.235	7.734.825.238
112	2. Các khoản tương đương tiền		23.800.000.000	69.000.000.000
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**			
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**413.124.674.566**	**450.709.629.222**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	236.200.721.144	288.399.822.070
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.04	18.127.476.742	9.706.806.018
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.06	172.007.023.411	165.975.402.365
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(13.210.546.731)	(13.372.401.231)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
140	**IV. Hàng tồn kho**	**V.08**	**129.716.878.976**	**94.753.058.598**
141	1. Hàng tồn kho		129.716.878.976	94.753.058.598
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**716.925.768**	**1.190.722.923**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		716.925.768	1.190.722.923
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ			
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.15		
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**2.918.127.695.015**	**2.924.984.488.743**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**			
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác			
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	**II. Tài sản cố định**		**30.513.497.981**	**48.078.973.192**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	29.953.206.028	47.512.240.695
222	- Nguyên giá		93.318.144.838	122.523.366.282
223	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(63.364.938.810)	(75.011.125.587)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.11	560.291.953	566.732.497
228	- Nguyên giá		663.292.634	663.292.634
229	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(103.000.681)	(96.560.137)
230	**III. Bất động sản đầu tư**			
231	- Nguyên giá			
232	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)			
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**	**V.09**	**763.926.636**	
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		763.926.636	
250	**V. Đầu tư tài chính dài hạn**	**V.02**	**2.885.965.900.000**	**2.875.965.900.000**
251	1. Đầu tư vào công ty con		2.614.465.900.000	2.614.465.900.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		269.500.000.000	259.500.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)			
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.000.000.000	2.000.000.000
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**884.370.398**	**939.615.551**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		884.370.398	939.615.551
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**3.531.192.407.560**	**3.548.372.724.724**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
300	**C . NỢ PHẢI TRẢ**		**728.346.162.139**	**808.557.778.549**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**499.714.405.039**	**703.587.938.115**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	140.427.940.534	166.742.868.656
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		98.238.156.574	108.803.239.940
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	24.577.526.226	14.348.884.546
314	4. Phải trả người lao động		8.445.723.213	11.253.522.652
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	27.537.391.190	28.118.597.627
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.18	44.047.710.849	34.020.233.167
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.13	154.695.659.734	338.556.294.808
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.744.296.719	1.744.296.719
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
330	**II. Nợ dài hạn**		**228.631.757.100**	**104.969.840.434**
331	1. Phải trả người bán dài hạn			
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn		10.211.507.100	10.211.507.100
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác			
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.12	218.420.250.000	94.758.333.334
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
400	**D . VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**V.19**	**2.802.846.245.421**	**2.739.814.946.175**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**		**2.802.846.245.421**	**2.739.814.946.175**
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.673.840.900.000	2.673.840.900.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		2.673.840.900.000	*2.673.840.900.000*
411b	*- Cổ phiếu ưu đãi*			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(208.000.000)	(208.000.000)
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)			
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		4.851.321.687	4.851.321.687
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		124.362.023.734	61.330.724.488
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*		*61.330.724.488*	*20.548.196.488*
421b	*- LNST chưa phân phối kỳ này*		*63.031.299.246*	*40.782.528.000*
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
430	**II. Nguồn kinh phí và quỹ khác**			
431	1. Nguồn kinh phí			
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**3.531.192.407.560**	**3.548.372.724.724**

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 07 năm 2021

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc
HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT	NGUYỄN VĂN ÂN	NGUYỄN QUANG HUY

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Quý II năm 2021

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 2 năm 2021	Quý 2 năm 2020	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**VI.01**	**175.905.781.297**	**148.930.188.837**	**251.657.533.026**	**210.489.509.439**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu					
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**175.905.781.297**	**148.930.188.837**	**251.657.533.026**	**210.489.509.439**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**VI.02**	**125.490.611.065**	**127.891.090.486**	**186.979.642.086**	**181.074.861.425**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**50.415.170.232**	**21.039.098.351**	**64.677.890.940**	**29.414.648.014**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.03	8.104.196.874	7.801.804.370	16.089.990.765	12.915.233.397
22	7. Chi phí tài chính	VI.04	6.468.195.549	7.100.062.262	13.282.784.175	12.030.140.915
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		6.468.195.549	7.100.062.262	13.282.784.175	12.030.140.915
24	8. Chi phí bán hàng					
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.05	7.307.085.511	6.825.556.931	11.859.078.184	11.752.915.838
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**44.744.086.046**	**14.915.283.528**	**55.626.019.346**	**18.546.824.658**
31	11. Thu nhập khác	VI.06	15.598.480.524	28.055	19.454.589.810	35.054
32	12. Chi phí khác	VI.07		54.599.959	53.192.182	151.215.265
40	**13. Lợi nhuận khác**		**15.598.480.524**	**(54.571.904)**	**19.401.397.628**	**(151.180.211)**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**60.342.566.570**	**14.860.711.624**	**75.027.416.974**	**18.395.644.447**
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.09	10.560.130.021	2.972.142.324	11.996.117.728	3.679.128.889
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại					
60	**17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**49.782.436.549**	**11.888.569.300**	**63.031.299.246**	**14.716.515.558**

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc
HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT	NGUYỄN VĂN ÂN	NGUYỄN QUANG HUY

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý II năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	**1. Lợi nhuận trước thuế**		**75.027.416.974**	**18.395.644.447**
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		3.380.246.839	3.410.493.498
03	- Các khoản dự phòng		(161.854.500)	(14.000.000)
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ			
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(16.089.990.765)	(12.915.233.397)
06	- Chi phí lãi vay		13.282.784.175	12.030.140.915
07	- Các khoản điều chỉnh khác			
08	**3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**75.438.602.723**	**20.907.045.463**
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		37.746.809.156	147.233.316.151
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(34.963.820.378)	(15.429.654.655)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(50.763.023.388)	257.007.203.534
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		529.042.308	1.234.615.422
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả		(13.282.784.175)	(12.030.140.915)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.601.890.606)	(1.836.541.381)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh			(501.100.000)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**10.102.935.640**	**396.584.743.619**
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		167.200.000	
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		36.610.000.000	
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác			
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(10.000.000.000)	(596.750.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		16.089.990.765	12.915.233.397
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**42.867.190.765**	**(583.834.766.603)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền thu từ đi vay		352.457.158.095	700.843.361.769
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(412.655.876.503)	(506.537.396.939)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**(60.198.718.408)**	**194.305.964.830**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**(7.228.592.003)**	**7.055.941.846**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**76.734.825.238**	**9.484.547.074**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**		**69.506.233.235**	**16.540.488.920**

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 07 năm 2021

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc
HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT	NGUYỄN VĂN ÂN	NGUYỄN QUANG HUY

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2021

Đơn vị tính: VND

I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0400101965 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/06/2010; Đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 15 tháng 07 năm 2021.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2021 là: **2.673.840.900.000** **VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân,P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng, Việt Nam

2 . Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây lắp.

3 . Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: Quản lý, khai thác, bảo trì hầm đường bộ Hải Vân; Hầm đường bộ Đèo cả, Cổ Mã, Hầm đường bộ Cù Mông, Hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia; quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng các tuyến đường quốc lộ được giao. Đảm bảo giao thông khi có thiên tai địch họa xảy ra trên địa bàn được giao. Dịch vụ thu phí cầu đường; Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, gồm: Chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua hầm đường bộ bằng phương tiện chuyên dùng, kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt; Xây dựng nhà các loại; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Sữa chữa các sản phẩm đúc sẵn; Sữa chữa máy móc thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa thiết bị khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Lắp đặt hệ thống điện;

Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Lập trình máy vi tính; Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bốc xếp hàng hóa; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Hoạt động tư vấn quản lý; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức du lịch; Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại; Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế;

4 . Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5 . Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách công ty con bao gồm:

- Tổng số các Công ty con	03
+ Số lượng Công ty con được hợp nhất	03
+ Số lượng Công ty con không được hợp nhất	0

- Danh sách các Công ty con được hợp nhất

- Danh sách công ty con bao gồm:

Tên công ty	*Địa chỉ*	*Tỷ lệ lợi ích*		*Tỷ lệ quyền biểu quyết*	
		30/06/2021	*01/01/2021*	*30/06/2021*	*01/01/2021*
Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	Tầng 12-243A Đê La Thành-P.Láng Thượng-Q.Đống Đa -TP Hà Nội	65,58%	65,58%	65,58%	65,58%
Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	32 Thạch Thị Thanh- Phường Tân Định-Quận 1 - TP Hồ Chí Minh	70,36%	70,36%	70,36%	70,36%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2021

Đơn vị tính: VND

- Danh sách công ty con (tiếp theo):

Tên công ty	*Địa chỉ*	*Tỷ lệ lợi ích*		*Tỷ lệ quyền biểu quyết*	
		30/06/2021	*01/01/2021*	*30/06/2021*	*01/01/2021*
Công ty cổ phần Phước tượng Phú gia BOT	Lô 4 BT1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	99,47%	99,47%	99,47%	99,47%

- Danh sách công ty liên doanh, liên kết bao gồm:

Tên công ty	*Địa chỉ*	*Tỷ lệ lợi ích*		*Tỷ lệ quyền biểu quyết*	
		30/06/2021	*01/01/2021*	*30/06/2021*	*01/01/2021*
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Số 32 Thạch Thị Thanh,Phường Tân Định, Quận 1, TP Hồ Chí Minh	21,95%	21,95%	21,95%	21,95%
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Tầng 12 tòa nhà ICON4, số 243A Đê La Thành-P.Láng Thượng-Q.Đống Đa -TP Hà Nội	47,04%	47,04%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	Tầng 20,số 109 Trần Hưng Đạo,P.Cửa Nam,Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	31,60%	29,25%	31,60%	29,25%

Tóm tắt thông tin hoạt động của Công ty con

(1) Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0106987957 ngày 11/09/2015; thay đổi lần thứ 12 ngày 09/04/2021, do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 110/BKHĐT-GNNĐKĐTTN cấp ngày 29/03/2016, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 19/10/2016 về việc chấp thuận dự án đầu tư:

+ Dự án Đầu tư xây dựng công trình tuyến cao tốc Bắc Giang – Tp. Lạng Sơn đoạn KM45+100 – KM 108 + 500 kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1 + 800 – Km 106 + 500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	12.188.665.000.000	VNĐ
+ Vốn chủ sở hữu:	1.645.470.000.000	VNĐ
+ Vốn vay	10.543.195.000.000	VNĐ

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án

Tại ngày 06/2018 hạng mục tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1 + 800 – Km 106 + 500 đã hoàn thành và triển khai thu phí hoàn vốn. Tại ngày 15/01/2020 hạng mục tuyến cao tốc Bắc Giang - TP Lạng Sơn đoạn Km45+100 - Km 108+ 500 đã hoàn thành và triển khai thu phí hoàn vốn. Dự án vẫn tiếp tục hoàn thành và đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 30/06/2021:	1.375.836.000.000	VNĐ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2021

Đơn vị tính: VND

(2) Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0104567756 ngày 05 tháng 04 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Đến nay Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 21 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 12 năm 2020.
Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 47/BKHĐT-GCNĐKĐTTN/ĐC1 do Bộ KHĐT chứng nhận ngày 20/6/2017

Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân)

Quyết định số 400/QĐ-BGTVT ngày 04/03/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh phương án tài chính Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân);

Tại ngày 03/09/2017 hạng mục hầm Cổ Mã, hầm Đèo Cả; ngày 01/04/2019 hạng mục hầm Cù Mông bắt đầu đưa vào khai thác sử dụng và phát sinh doanh thu. Tổng mức đầu tư dự án theo Phụ lục 09 của Hợp đồng 26/HĐXD-DEOCA với Bộ Giao thông Vận tải ký ngày 13/03/2019 là 21.612 tỷ đồng.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	21.612.008.175.000	VNĐ
+ *Vốn tự có:*	1.749.864.583.000	VNĐ
+ *Vốn khác*	1.438.432.378.000	VNĐ
+ *Vốn vay*	13.375.708.235.000	VNĐ
+ *Vốn Nhà nước hỗ trợ*	5.048.002.979.000	VNĐ

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 30/06/2021:	2.046.250.000.000	VNĐ

(3) Công ty cổ phần Phước tượng Phú gia BOT

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0106205342 ngày 12/06/2013; thay đổi lần thứ 9 ngày 22/02/2021 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp.

Giấy chứng nhận đầu tư số 62/BKHĐT-GCNTTN ngày 17/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và đầu tư; điều chỉnh thay đổi lần thứ nhất ngày 17 tháng 08 năm 2015;

+ Dự án Đầu tư xây dựng công trình hầm đường bộ Phước Tượng và Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế;

Phụ lục Hợp đồng BOT số 06/11378/HĐ.BOT-BGTVT ngày 17/07/2019 giữa Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Phước Tượng Phú Gia (Nhà đầu tư) – Công ty cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT về việc Dự án đầu tư xây dựng công trình Hầm đường bộ Phước Tượng và Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế;

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	1.559.172.000.000	VNĐ
+ *Vốn chủ sở hữu:*	261.940.896.000	VNĐ
+ *Vốn vay*	1.297.231.104.000	VNĐ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2021

Đơn vị tính: VND

+ Vốn ngân sách Nhà nước		VNĐ
Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án		
Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 30/06/2021:	273.786.000.000	VNĐ

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

Tóm tắt thông tin hoạt động của Công ty liên kết

1 Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam

Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng ICV Việt Nam có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0401777280 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày13/07/2016; Đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 18 tháng 11 năm 2020

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2021 là:	61.500.000.000	VNĐ

2 *Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa*

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0106159826 ngày 22 tháng 4 năm 2013, Giấy phép thay đổi lần thứ 4 ngày 22 tháng 12 năm 2020, Giấy phép thay đổi lần thứ 4 ngày 22 tháng 12 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hà Nội.

Giấy chứng nhận đầu tư số 60/BKHĐT-GCNĐTTN ngày 25/09/2013

+ Dự án Đầu tư xây dựng mở rộng QL1 đoạn Km1374+525 - Km1392 & Km1405 - Km1425, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức Hợp đồng BOT.

- Quyết định 108/QĐ-BGTVT ngày 13 tháng 01 năm 2016 về việc thu phí tại trạm thu phí Ninh An Km1425+200 Quốc lộ 1 để hoàn vốn cho dự án Đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 đoạn Km1374+525 - Km1392 và Km1405 - Km1425+500, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức hợp đồng BOT

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	2.644.478.000.000	VNĐ
+ Vốn chủ sở hữu:	339.447.800.000	VNĐ
+ Vốn vay	2.305.030.200.000	VNĐ
+ Vốn ngân sách Nhà nước		VNĐ
Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án		
Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 30/06/2021:	305.000.000.000	VNĐ

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

3 *Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị*

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0108311466 ngày 05 tháng 06 năm 2018. Giấy phép Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 18 tháng 03 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2021

Đơn vị tính: VND

+ Dự án Đầu tư xây dựng thành phần 2: Tuyến cao tốc từ cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng (Km1+800-Km44+749,67), tỉnh Lạng Sơn.

Tuyến cao tốc Cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng được đầu tư xây dựng theo Quyết định số 1833/QĐ-BGTVT ngày 14/06/2016 của Bộ Giao thông vận tải. UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án tại các quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 09/08/2018 và quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018.

Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 05/04/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh Phương án tài chính của Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn đoạn Km1+800-Km108+500, kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1+800-Km106+500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	8.743.000.000.000	VNĐ
+ Vốn chủ sở hữu:	1.749.000.000.000	VNĐ
+ Vốn vay	6.994.000.000.000	VNĐ
+ Vốn ngân sách Nhà nước		VNĐ
Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án		
Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 30/06/2021:	424.000.000.000	VNĐ

Tại ngày 30/06/2021 Công ty đang trong giai đoạn chuẩn bị dự án đầu tư.

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	*Địa chỉ*
+ Xí Nghiệp Thi Công Xây Lắp Công Trình	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Sản Xuất Dịch Vụ Thương Mại Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Đèo Cả	Thôn Hảo Sơn, Xã Hòa Xuân Nam, Huyện Đông Hoà, Phú Yên.
+ Xí nghiệp Quản lý, vận hành hầm đường bộ Cù Mông	Thôn Long Thạch, Xã Xuân Lộc, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên
+ Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	Địa chỉ: Km81+140, Tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, Xã Hồ Sơn, Huyện Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn

II . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2021

Đơn vị tính: VND

III . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Chế độ kế toán:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2 . Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2021

Đơn vị tính: VND

2 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng;

- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

3 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác…

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

+ Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2021

Đơn vị tính: VND

- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác:

+ Đối với dự phòng khoản đầu tư vào các doanh nghiệp đặc thù (doanh nghiệp BOT) : Không trích dự phòng tổn thất đầu tư đối với các khoản đầu tư vào doanh nghiệp thực hiện dự án BOT, do hợp đồng BOT đảm bảo cho nhà đầu tư được bảo toàn vốn và lãi trên vốn của Nhà đầu tư tham gia dự án theo thỏa thuận hợp đồng BOT được ký kết giữa nhà đầu tư và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong suốt thời gian hoạt động của dự án.

+ Đối với khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết khác nếu Công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

4 . Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- Lập dự phòng phải thu khó đòi: Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

5 . Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6 . Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2021

Đơn vị tính: VND

- Phương tiện vận tải	06 -30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03- 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

7 . Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

8 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

9 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

10 . Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2021

Đơn vị tính: VND

Khi lập Báo cáo tài chính riêng, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

11 . Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

12 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

13 . Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

14 . Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án … chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:
- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2021

Đơn vị tính: VND

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

15 . Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2021

Đơn vị tính: VND

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

- Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

16 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:
- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng;

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

17 . Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư …

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

18 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2021

Đơn vị tính: VND

19 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

20 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

21 . Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

22 . Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23 . Công cụ tài chính

a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;

- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;

- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2021

Đơn vị tính: VND

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH) : Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2021	*01/01/2021*
Tiền mặt	**2.648.951.499**	**123.123.405**
- VND	2.648.951.499	123.123.405
- USD		
Tiền gửi không kỳ hạn	**43.057.281.736**	**7.611.701.833**
- Tiền gửi (VND)	43.057.281.736	7.611.701.833
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền	**23.800.000.000**	**69.000.000.000**
- Tiền gửi có kỳ hạn	23.800.000.000	69.000.000.000
Cộng	**69.506.233.235**	**76.734.825.238**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2021

Đơn vị tính: VND

02 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2021			*01/01/2021*		
	Giá gốc	*Giá hợp lý*	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Giá hợp lý*	*Dự phòng*
a) Chứng khoán kinh doanh						
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:						
	Giá gốc	*Giá trị ghi sổ*		*Giá gốc*	*Giá trị ghi sổ*	
b1) Ngắn hạn						
b2) Dài hạn	2.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000	2.000.000.000	
- Trái phiếu	2.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000	2.000.000.000	
Cộng	**2.000.000.000**	**2.000.000.000**		**2.000.000.000**	**2.000.000.000**	

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	*30/06/2021*			*01/01/2021*		
	Giá gốc	*Giá hợp lý*	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Giá hợp lý*	*Dự phòng*
Đầu tư vào công ty con	**2.614.465.900.000**			**2.614.465.900.000**		
- Công ty Cổ Phần Bot Bắc Giang Lạng Sơn	902.303.650.000			902.303.650.000		
- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	1.439.831.250.000			1.439.831.250.000		
- Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	272.331.000.000			272.331.000.000		
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	**269.500.000.000**			**259.500.000.000**		
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	13.500.000.000			13.500.000.000		
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	122.000.000.000			122.000.000.000		
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	134.000.000.000			124.000.000.000		
Cộng	**2.883.965.900.000**			**2.873.965.900.000**		

Tóm tắt hoạt động của các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: Xem Phụ lục 1

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2021

Đơn vị tính: VND

03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2021		*01/01/2021*	
	Trích lập dự phòng	*Giá trị*	*Trích lập dự phòng*	*Giá trị*
a)Ngắn hạn:	**11.035.892.482**	**236.200.721.144**	**11.035.892.482**	**288.399.822.070**
Bên khác	**11.035.892.482**	**81.372.034.950**	**11.035.892.482**	**18.012.229.520**
Công ty Quản lý và Sửa chữa đường bộ Đắc Lắc	3.399.652.533	3.399.652.533	3.399.652.533	3.399.652.533
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo cả		63.554.015.430		
Công ty Cổ phần xây dưng Cầu đường 19	5.159.490.529	5.159.490.529	5.159.490.529	5.159.490.529
Công ty Cổ phần Sông Đà 10		5.082.418.376		5.082.418.376
Cty XD c.trình GT 502 - Bê tông tươi	139.639.000	139.639.000	139.639.000	139.639.000
Công ty CTGT 503 Đà Nẵng	215.066.430	215.066.430	215.066.430	215.066.430
Công ty TNHH An Bình	193.457.858	193.457.858	193.457.858	193.457.858
Cty CP XD GT Quảng Nam - HLM	145.872.585	145.872.585	145.872.585	145.872.585
Công ty TNHH MTV kiểm định KTAT dầu khí Việt Nam - PVEIC	354.000.000	354.000.000	354.000.000	354.000.000
Công ty CP QL & XD ĐB QNĐN	249.999.800	249.999.800	249.999.800	249.999.800
Tổng đội Thanh niên xung phong Nông nghiệp 4	219.676.656	219.676.656	219.676.656	219.676.656
Xí nghiệp đầu tư và phát triển khu CN Bắc Ch/lai - Trạm thu phí Tam Kỳ	278.976.912	278.976.912	278.976.912	278.976.912
Đối tượng khác	680.060.179	2.379.768.841	680.060.179	2.573.978.841
Bên liên quan		**154.828.686.194**		**270.387.592.550**
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z		863.866.715		2.794.496.852
Công ty CP Đầu tư và xây dựng ICV Việt Nam		1.357.094.305		1.324.856.876
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Hoàng Long		588.000.000		348.000.000
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT		47.933.021.220		57.155.927.220
Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn		17.266.849.652		21.821.245.712
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa				2.358.205.811
Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả		86.729.854.302		184.404.860.079
Công ty Cổ phần Bot Trung Lương - Mỹ Thuận		90.000.000		180.000.000
b) Dài hạn				
Cộng	**11.035.892.482**	**236.200.721.144**	**11.035.892.482**	**288.399.822.070**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2021

Đơn vị tính: VND

04 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2021		*01/01/2021*	
	Trích lập dự phòng	*Giá trị*	*Trích lập dự phòng*	*Giá trị*
a) Ngắn hạn:	**1.301.620.413**	**18.127.476.742**	**1.303.951.913**	**9.706.806.018**
Bên khác	**1.301.620.413**	**18.127.476.742**	**1.303.951.913**	**9.623.193.356**
Công ty TNHH Tư Vấn ĐT & XD AMICONS	180.000.000	180.000.000	180.000.000	180.000.000
Công ty cổ phần nhà thép tiền chế Chí Việt	673.571.100	673.571.100	673.571.100	673.571.100
Công ty CP Pacific Dinco	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000
Công ty CP XD & TM Si - Li - Cat	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000
Công ty TNHH TM & XD Thịnh Quốc	181.774.313	181.774.313	181.774.313	181.774.313
Hợp tác xã ô tô Liên Chiểu	150.000.000	150.000.000	150.000.000	132.289.000
Công ty CP truyền thông TECHCUBE	2.475.000	2.475.000	2.475.000	2.475.000
Công ty CP Phúc Lộc Viên			2.331.500	2.331.500
Công Ty CP XD giao thông Quảng Nam	44.000.000	44.000.000	44.000.000	44.000.000
Viện quy hoạch xây dựng Đà Nẵng	25.000.000	25.000.000	25.000.000	25.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Sài Gòn		14.685.377.387		6.500.000.000
Công ty TNHH MTV Minh Đạt				200.000.000
Công ty TNHH sơn dẻo nhiệt Synthetic				250.000.000
Đối tượng khác	8.500.000	2.148.978.942	8.500.000	1.395.452.443
Bên liên quan				**83.612.662**
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Hoàng Long				83.612.662
b) Dài hạn				
Cộng	**1.301.620.413**	**18.127.476.742**	**1.303.951.913**	**9.706.806.018**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2021

Đơn vị tính: VND

06 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2021		01/01/2021	
	Trích lập dự phòng	**Giá trị**	**Trích lập dự phòng**	**Giá trị**
a) Ngắn han:	**873.033.836**	**172.007.023.411**	**1.032.556.836**	**165.975.402.365**
Tạm ứng		3.731.114.481	159.523.000	6.532.842.735
Ký cược, ký quỹ		100.000.000		100.000.000
Phải thu khác	873.033.836	168.175.908.930	873.033.836	159.342.559.630
Bên khác	***873.033.836***	***994.547.848***	***873.033.836***	***35.564.257.848***
+ Công ty CP Xây dựng Đèo cả (tên cũ: Công ty CP Đầu tư XD Hải Thạch)		*21.520.587*		*34.591.230.587*
+ Cục Quản lý đường bộ III	*837.818.000*	*837.818.000*	*837.818.000*	*837.818.000*
+ Phạm Đình Nam	*3.817.479*	*3.817.479*	*3.817.479*	*3.817.479*
+ Đối tượng khác	*31.398.357*	*131.391.782*	*31.398.357*	*131.391.782*
Bên liên quan		***167.181.361.082***		***123.778.301.782***
+ Công ty Cổ Phần Bot Bắc Giang Lạng Sơn		*114.300.000.000*		*55.300.000.000*
+ Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả		*38.000.000.000*		*32.000.000.000*
+ Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả- Bảo hành công trình		*14.881.361.082*		*36.478.301.782*
c) Dài hạn				
Cộng	**873.033.836**	**172.007.023.411**	**1.032.556.836**	**165.975.402.365**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2021

Đơn vị tính: VND

07 . NỢ XẤU

1. Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	30/06/2021		*01/01/2021*	
	Giá gốc	*Giá trị có thể thu hồi*	*Giá gốc*	*Giá trị có thể thu hồi*
- Phải thu khách hàng, phải thu khác	**13.210.546.731**		**14.555.660.494**	**1.183.259.263**
+Công ty CP XD Cầu đường 19	5.159.490.529		5.159.490.529	
+ Công ty QL và SC ĐB Đắc Lắc	3.399.652.533		3.399.652.533	
+Công ty cổ phần nhà thép tiền chế Chí Việt	673.571.100		673.571.100	
+ Đối tượng khác	3.977.832.569		5.322.946.332	1.183.259.263
Cộng	**13.210.546.731**		**14.555.660.494**	**1.183.259.263**

08 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2021		*01/01/2021*	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
- Nguyên liệu, vật liệu	5.392.568.791		5.027.348.465	
- Công cụ, dụng cụ	251.626.558		259.142.127	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	124.072.683.627		89.466.568.006	
- Thành phẩm				
Cộng	**129.716.878.976**		**94.753.058.598**	

Ghi chú:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: Không có
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: Không có

09 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

Xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2021	*01/01/2021*
Xây dựng cơ bản	**763.926.636**	
+ Sửa chữa lớn văn phòng và nhà xưởng	*763.926.636*	
Cộng	**763.926.636**	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2021

10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu kỳ	**45.312.498.006**	**21.732.477.349**	**51.763.460.332**	**3.714.930.595**		**122.523.366.282**
2. Số tăng trong kỳ		**152.000.000**				**152.000.000**
- Mua trong kỳ		*152.000.000*				*152.000.000*
- Tăng khác						
3. Số giảm trong kỳ	**16.864.460.145**	**6.630.589.108**	**2.782.307.861**	**3.079.864.330**		**29.357.221.444**
- Thanh lý, nhượng bán	*16.864.460.145*	*6.630.589.108*	*2.782.307.861*	*3.079.864.330*		*29.357.221.444*
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ	**28.448.037.861**	**15.253.888.241**	**48.981.152.471**	**635.066.265**		**93.318.144.838**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế						
1. Số dư đầu kỳ	**16.379.302.760**	**14.214.067.569**	**42.143.992.737**	**2.273.762.521**		**75.011.125.587**
2. Khấu hao trong kỳ	**937.732.113**	**889.525.919**	**1.259.872.710**	**286.675.553**		**3.373.806.295**
- Khấu hao trong kỳ	*937.732.113*	*889.525.919*	*1.259.872.710*	*286.675.553*		*3.373.806.295*
- Tăng khác						
3. Giảm trong kỳ	**5.393.295.739**	**4.876.698.394**	**2.782.307.861**	**1.967.691.078**		**15.019.993.072**
- Thanh lý, nhượng bán	*5.393.295.739*	*4.876.698.394*	*2.782.307.861*	*1.967.691.078*		*15.019.993.072*
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ	**11.923.739.134**	**10.226.895.094**	**40.621.557.586**	**592.746.996**		**63.364.938.810**
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu kỳ	**28.933.195.246**	**7.518.409.780**	**9.619.467.595**	**1.441.168.074**		**47.512.240.695**
2. Tại ngày cuối kỳ	**16.524.298.727**	**5.026.993.147**	**8.359.594.885**	**42.319.269**		**29.953.206.028**

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 13.338.413.146 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 34.923.015.948 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý: 0 VND
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2021

11 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu kỳ	**618.292.634**			**45.000.000**		**663.292.634**
2. Số tăng trong kỳ						
- Mua trong kỳ						
- Tạo ra từ nội bộ DN						
- Tăng khác						
3. Số giảm trong kỳ						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ	**618.292.634**			**45.000.000**		**663.292.634**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế						
1. Số dư đầu kỳ	**51.560.137**			**45.000.000**		**96.560.137**
2. Khấu hao trong kỳ	**6.440.544**					**6.440.544**
- Khấu hao trong kỳ	*6.440.544*					*6.440.544*
- Tăng khác						
3. Giảm trong kỳ						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ	**58.000.681**			**45.000.000**		**103.000.681**
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu kỳ	**566.732.497**					**566.732.497**
2. Tại ngày cuối kỳ	**560.291.953**					**560.291.953**

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay 560.291.953
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 0 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2021

Đơn vị tính: VND

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2021	*01/01/2021*
a) Ngắn hạn	**716.925.768**	**1.190.722.923**
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	534.072.035	936.823.258
Chi phí sửa chữa, bảo hiểm xe	182.853.733	253.899.665
b) Dài hạn	**884.370.398**	**939.615.551**
Chi phí sửa chữa, bảo hiểm xe	4.838.464	8.985.712
Các khoản khác	719.306.366	559.427.099
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	160.225.568	371.202.740
Cộng	**1.601.296.166**	**2.130.338.474**

13 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a) Vay ngắn hạn - VNĐ

	30/06/2021		*Phát sinh trong kỳ*		*01/01/2021*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng*	*Giảm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Bên khác	**139.463.764.131**	**139.463.764.131**	**159.844.158.095**	**178.304.793.169**	**157.924.399.205**	**157.924.399.205**
- NH Công Thương CN Đà Nẵng	*107.207.702.434*	*107.207.702.434*	*129.071.634.127*	*176.018.911.209*	*154.154.979.516*	*154.154.979.516*
-Vay ngắn hạn NH TP Bank-CN Thăng Long HN	*28.643.321.634*	*28.643.321.634*	*30.664.190.634*	*2.020.869.000*		
- Vay mua chung cư	*108.333.334*	*108.333.334*	*108.333.334*			
- Cán bộ, công nhân viên	*3.504.406.729*	*3.504.406.729*		*265.012.960*	*3.769.419.689*	*3.769.419.689*
Bên liên quan	***15.231.895.603***	***15.231.895.603***	***66.100.000.000***	***231.500.000.000***	***180.631.895.603***	***180.631.895.603***
- Công ty CP tập đoàn Đèo cả	*13.231.895.603*	*13.231.895.603*	*66.100.000.000*	*231.500.000.000*	*178.631.895.603*	*178.631.895.603*
- Công ty Cổ Phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	*2.000.000.000*	*2.000.000.000*			*2.000.000.000*	*2.000.000.000*
Cộng	**154.695.659.734**	**154.695.659.734**	**225.944.158.095**	**409.804.793.169**	**338.556.294.808**	**338.556.294.808**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2021

Đơn vị tính: VND

b) Vay dài hạn - VNĐ	*30/06/2021*		*Phát sinh trong kỳ*		*01/01/2021*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng*	*Giảm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Trên 1 năm đến 5 năm	**218.420.250.000**	**218.420.250.000**	**126.513.000.000**	**2.851.083.334**	**94.758.333.334**	**94.758.333.334**
Bên khác	**1.020.250.000**	**1.020.250.000**	**1.113.000.000**	**851.083.334**	**758.333.334**	**758.333.334**
- Vay dài hạn NH CT - CN Đà Nẵng mua 3 chung cư				*758.333.334*	*758.333.334*	*758.333.334*
- Vay dài hạn NH TP Bank - mua xe ô tô	*1.020.250.000*	*1.020.250.000*	*1.113.000.000*	*92.750.000*		
Bên liên quan	**217.400.000.000**	**217.400.000.000**	**125.400.000.000**	**2.000.000.000**	**94.000.000.000**	**94.000.000.000**
- Công ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng A2Z				*2.000.000.000*	*2.000.000.000*	*2.000.000.000*
- Công ty Cổ Phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	*125.400.000.000*	*125.400.000.000*	*125.400.000.000*			
- Công ty cổ phần đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	*92.000.000.000*	*92.000.000.000*			92.000.000.000	92.000.000.000
Cộng	**218.420.250.000**	**218.420.250.000**	**126.513.000.000**	**2.851.083.334**	**94.758.333.334**	**94.758.333.334**

*** Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay ngắn hạn:**

Bên cho vay	*Hợp đồng*	*Hạn mức/Số tiền vay (VND)*	*Thời hạn vay*	*Lãi suất*	*Mục đích vay*	*Hình thức đảm bảo*
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đà Nẵng	HĐ tín dụng số 01/2020-HDCVHM/NHCT480-DII ngày 02/11/2020	100.000.000.000	Từ ngày ký hợp đồng đến ngày 02/11/2021	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Cà vẹt xe oto, giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà tại căn hộ Plaza

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2021

Đơn vị tính: VND

- Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đà Nẵng	HĐ tín dụng số 02/2020-HDCVHM/NHCT480-DII ngày 02/11/2020	80.000.000.000	Từ ngày ký hợp đồng đến ngày 02/11/2021	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
-Vay ngắn hạn NH TP Bank-CN Thăng Long HN	HĐ tín dụng số 247/2020/HĐTD/TLG 01 ngày 16/9/2020 và PL	300.000.000.000	12 tháng từ ngày ký hợp đồng	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
- Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo cả	Hợp đồng vay số 0201/2020 ngày 02/01/2020	400.000.000.000	12 tháng	8%/năm	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
- Công ty cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Hợp đồng vay từng lần, PL	202.000.000.000	12 tháng	8%/năm	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
- Vay CBCNV Công ty	Hợp đồng và các phụ lục kèm theo ký với từng cá nhân cho vay	Không giới hạn	Từ ngày ký hợp đồng đến khi kết thúc hợp đồng	Lãi suất trả bằng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 3 tháng tại NH Công ty đang giao dịch	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp

*** Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay dài hạn:**

Bên cho vay	*Hợp đồng*	*Hạn mức/Số tiền vay (VND)*	*Thời hạn vay*	*Lãi suất*	*Mục đích vay*	*Hình thức đảm bảo*
Công Ty CP Tư Vấn Xây Dựng A2Z	Hợp đồng vay số 30.07/2019/DII-A2Z ngày 30/7/2019, PLHĐ	2.000.000.000	24 tháng	6%/năm	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
- Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng Miền Bắc	Hợp đồng vay từng lần, PL	92.000.000.000	24 tháng	8%/năm	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
- Công ty Cổ Phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Hợp đồng vay số 15062021/HTBOT-DII ngày 15/06/2021	125.400.000.000	24 tháng	8%/năm	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - TPBank	Hợp đồng vay số 19/2021/HDTD/TLG/01 ngày 27/01/2021	1.113.000.000	60 tháng	8%/năm đến ngày 27/1/2022, sau đó được điều chỉnh định kỳ	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Cà vẹt xe ô tô

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2021

Đơn vị tính: VND

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2021		*01/01/2021*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
a) Ngắn hạn:	**140.427.940.534**	**140.427.940.534**	**166.742.868.656**	**166.742.868.656**
Bên khác	***86.621.666.706***	***86.621.666.706***	***116.545.094.114***	***116.545.094.114***
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo cả	2.811.691.963	2.811.691.963		
Công ty TNHH Thủy Tùng Châu	73.300.000	73.300.000	412.000.000	412.000.000
Công ty CP XDTN điện & trang trí nội thất EMTC3	6.782.600.000	6.782.600.000	15.344.365.177	15.344.365.177
Công ty TNHH TM & XD Lâm Tùng Phương	11.314.004.000	11.314.004.000	14.733.684.000	14.733.684.000
Công ty TNHH kỹ thuật kiểm định hiệu chỉnh Toàn Cầu	19.445.503.000	19.445.503.000	28.260.801.916	28.260.801.916
Công ty CP xây dựng Đại Thành	3.375.133.010	3.375.133.010	3.375.133.010	3.375.133.010
Công ty xăng dầu Tiền Giang	150.403.000	150.403.000	656.002.154	656.002.154
Phải trả cho các đối tượng khác	42.669.031.733	42.669.031.733	53.763.107.857	53.763.107.857
Bên liên quan	***53.806.273.828***	***53.806.273.828***	***50.197.774.542***	***50.197.774.542***
Công ty CP Đầu tư và XD ICV Việt Nam	21.288.793.022	21.288.793.022	20.713.793.022	20.713.793.022
Công ty Cổ phần tập đoàn Đèo cả	16.382.696.408	16.382.696.408	15.409.277.220	15.409.277.220
Công ty cổ phần An Ninh Đèo cả	12.548.079.966	12.548.079.966	14.074.704.300	14.074.704.300
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Hoàng Long	1.360.939.432	1.360.939.432		
Công ty cổ phần quản lý và khai thác đường cao tốc Đèo cả	2.225.765.000	2.225.765.000		
b) Dài hạn				
Cộng	**140.427.940.534**	**140.427.940.534**	**166.742.868.656**	**166.742.868.656**

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/06/2021	*01/01/2021*
a) Ngắn hạn:	**98.238.156.574**	**108.803.239.940**
Bên khác	***13.663.101.163***	***43.162.246.733***
Công ty xăng dầu Bình Định	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty CP XD công trình Ngầm	1.495.821.371	1.495.821.371
Công ty xăng dầu khu vực V	3.000.000.000	3.000.000.000
Tổng công ty xây dựng Lũng Lô	2.475.005.925	2.475.005.925

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2021

Đơn vị tính: VND

CN Trung tâm phát triển quỹ đất số 3- TP Đà Nẵng	2.587.489.000	2.587.489.000
Đối tượng khác	1.104.784.867	30.603.930.437
Bên liên quan	***84.575.055.411***	***65.640.993.207***
Công ty Cổ phần tập đoàn Đèo cả	65.942.621.247	65.640.993.207
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	18.632.434.164	
b) Dài hạn:	**10.211.507.100**	**10.211.507.100**
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo cả	10.211.507.100	10.211.507.100
Cộng	**108.449.663.674**	**119.014.747.040**

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		*Số phải nộp trong kỳ*	*Số đã thực nộp trong kỳ*	*Số cuối kỳ*	
	Phải thu	*Phải trả*			*Phải thu*	*Phải trả*
Thuế thu nhập doanh nghiệp		4.601.890.608	11.996.117.728	4.601.890.606		11.996.117.730
Thuế thu nhập cá nhân		241.916.995	(121.672.224)	111.255.003		8.989.768
Thuế giá trị gia tăng		9.505.076.943	12.901.194.582	9.833.852.797		12.572.418.728
Thuế tài nguyên			4.885.950	4.885.950		
Thuế nhà đất, tiền thuê đất			466.476.469	466.476.469		
Thuế khác			313.942.589	313.942.589		
Cộng		**14.348.884.546**	**25.560.945.094**	**15.332.303.414**		**24.577.526.226**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2021

Đơn vị tính: VND

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2021	*01/01/2021*
a) Ngắn hạn	**27.537.391.190**	**28.118.597.627**
Trích trước chi phí vận hành Hầm, thu phí	27.537.391.190	24.106.146.737
Trích trước lãi vay ngân hàng		206.670.702
Trích trước chi phí gói thầu Dự án Trung Lương - Mỹ Thuận		3.805.780.188
b) Dài hạn		
Cộng	**27.537.391.190**	**28.118.597.627**

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2021	*01/01/2021*
a) Ngắn hạn:	**44.047.710.849**	**34.020.233.167**
Bên khác	**8.888.573.661**	**8.525.613.373**
Kinh phí công đoàn	1.111.034.957	1.160.774.965
Bảo hiểm xã hội, y tế, TN	52.888.250	
Quỹ ủng hộ	678.176.847	418.533.926
Tạm ứng (số dư có 141)	94.938.772	153.292.087
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.951.534.835	6.793.012.395
Công ty France Emulsion tiền lợi nhuận hợp tác kinh doanh	*1.606.087.366*	*1.606.087.366*
Đối tượng khác	*5.345.447.469*	*5.186.925.029*
Bên liên quan	***35.159.137.188***	***25.494.619.794***
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z	19.397.260	140.630.137
Công ty cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	6.349.895.891	5.946.849.315
Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng Miền Bắc	7.674.788.813	4.120.035.388
Công ty cổ phần tập đoàn Đèo Cả	21.115.055.224	15.287.104.954
c) Dài hạn		
Cộng	**44.047.710.849**	**34.020.233.167**

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2021

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	**2.270.090.900.000**		**3.200.097.043**	**23.878.778.474**	**2.297.169.775.517**
Tăng vốn trong năm trước	403.750.000.000				403.750.000.000
Lãi trong năm trước				40.782.528.000	40.782.528.000
Tăng do trích lập từ lợi nhuận			1.651.224.644		1.651.224.644
Trích quỹ đầu tư phát triển				(1.651.224.644)	(1.651.224.644)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi				(1.651.224.644)	(1.651.224.644)
Trích quỹ từ lợi nhuận					
Lỗ trong năm trước					
Chia cổ tức					
Giảm khác		(208.000.000)		(28.132.698)	(236.132.698)
Số dư đầu kỳ nay	**2.673.840.900.000**	**(208.000.000)**	**4.851.321.687**	**61.330.724.488**	**2.739.814.946.175**
Tăng vốn trong kỳ nay					
Lãi trong kỳ nay				63.031.299.246	63.031.299.246
Tăng do trích từ lợi nhuận					
Tăng khác					
Trích quỹ từ lợi nhuận					
Giảm vốn trong kỳ nay					
Lỗ trong kỳ nay					
Chia cổ tức					
Giảm khác					
Số dư cuối kỳ nay	**2.673.840.900.000**	**(208.000.000)**	**4.851.321.687**	**124.362.023.734**	**2.802.846.245.421**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2021

Đơn vị tính: VND

19 . 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2021	%	*01/01/2021*	%
Vốn góp của công ty mẹ	37.892.550.000	1,42%	37.892.550.000	1,42%
- Công ty cổ phần Tập Đoàn Đèo cả (*)	*37.892.550.000*	*1,42%*	*37.892.550.000*	*1,42%*
Vốn góp của các đối tượng khác	2.635.948.350.000	98,58%	2.635.948.350.000	98,58%
- Hồ Minh Hoàng	*18.000.000.000*	*0,67%*	*18.000.000.000*	*0,67%*
- Công ty cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	*1.067.831.250.000*	*39,94%*	*1.317.831.250.000*	*49,29%*
- Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	*882.303.650.000*	*33,00%*	*882.303.650.000*	*33,00%*
- Công ty cổ phần tập đoàn Hải Thạch	*122.000.000.000*	*4,56%*	*122.000.000.000*	*4,56%*
- Công ty cổ phần Đầu tư thương mại Quốc tế Hà Thành	*108.331.000.000*	*4,05%*	*108.331.000.000*	*4,05%*
- Công ty cổ phần BOT Hưng Phát			*164.000.000.000*	*6,13%*
- Vốn góp của các đối tượng khác	*437.482.450.000*	*16,36%*	*23.482.450.000*	*0,88%*
Cộng	**2.673.840.900.000**	**100,00%**	**2.673.840.900.000**	**100,00%**

(*) Công ty cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả là Công ty mẹ của Công ty thông qua quyền sở hữu, quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp tại các Công ty con đầu tư vào Công ty cổ phần hạ tầng giao thông Đèo Cả với tỷ lệ quyền sở hữu và biểu quyết như sau:

(*) Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo cả	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Quyền sở hữu trực tiếp	1,42%	1,42%
- Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng giao thông Đèo Cả	*1,42%*	*1,42%*
Quyền sở hữu và biểu quyết gián tiếp	*34,97%*	*39,94%*
- Công ty cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	34,97%	*39,94%*
Cộng	**36,39%**	**41,36%**

Hiện tại, Tập đoàn Đèo cả (DCG) đang nắm tỷ lệ quyền biểu quyết là 41,36%, tuy nhiên DCG vẫn là Công ty mẹ do đang nắm quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty thông qua việc nắm đa số thành viên trong Hội Đồng Quản trị

19 . 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	30/06/2021	*01/01/2021*
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu kỳ	2.673.840.900.000	2.673.840.900.000
- Vốn góp tăng trong kỳ		
- Vốn góp giảm trong kỳ		
- Vốn góp cuối kỳ	2.673.840.900.000	2.673.840.900.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

19 . 4. Cổ phiếu

	30/06/2021	*01/01/2021*
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	267.384.090	267.384.090
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	267.384.090	267.384.090
- Cổ phiếu phổ thông	*267.384.090*	*267.384.090*
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2021

Đơn vị tính: VND

VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

01 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý 2 năm 2021	Quý 2 năm 2020	*6 tháng đầu năm 2021*	*6 tháng đầu năm 2020*
a) Doanh thu				
Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường	72.316.661.817	58.229.668.272	121.000.466.362	107.576.584.190
Doanh thu hoạt động xây lắp	86.045.827.274	68.873.389.054	94.545.630.910	72.723.457.053
Doanh thu cung cấp dịch vụ trung chuyển	1.663.645.455	2.483.121.818	5.816.050.000	7.544.688.636
Doanh thu vận hành các trạm thu phí	15.517.840.388	16.909.969.447	29.287.948.091	16.909.969.447
Doanh thu khác	361.806.363	2.434.040.246	1.007.437.663	5.734.810.113
Cộng	**175.905.781.297**	**148.930.188.837**	**251.657.533.026**	**210.489.509.439**
Trong đó doanh thu đối với các bên liên quan	***108.832.572.206***	***145.008.221.775***	***175.870.666.661***	***198.159.157.968***
Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường	*72.316.661.817*	*58.229.668.272*	*121.000.466.362*	*107.576.584.190*
Doanh thu hoạt động xây lắp	*20.713.769.092*	*68.873.389.054*	*24.977.317.274*	*71.448.511.599*
Doanh thu vận hành các trạm thu phí	*15.517.840.388*	*16.909.969.447*	*29.287.948.091*	*16.909.969.447*
Doanh thu khác	*284.300.909*	*995.195.002*	*604.934.934*	*2.224.092.732*

02 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý 2 năm 2021	Quý 2 năm 2020	*6 tháng đầu năm 2021*	*6 tháng đầu năm 2020*
Giá vốn hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường	37.998.950.342	30.178.626.980	75.846.457.179	74.495.488.904
Giá vốn hoạt động xây lắp	73.808.941.060	79.597.317.570	81.097.250.799	80.885.923.977
Giá vốn cung cấp dịch vụ trung chuyển	2.128.721.705	3.664.440.282	5.671.980.835	8.125.707.105
Giá vốn vận hành các trạm thu phí	11.283.315.528	12.170.366.449	23.766.187.883	12.170.366.449
Giá vốn khác	270.682.430	2.280.339.205	597.765.390	5.397.374.990
Cộng	**125.490.611.065**	**127.891.090.486**	**186.979.642.086**	**181.074.861.425**

03 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 2 năm 2021	Quý 2 năm 2020	*6 tháng đầu năm 2021*	*6 tháng đầu năm 2020*
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	378.146.470	75.753.966	805.847.575	150.454.469
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.726.050.404	7.726.050.404	15.284.143.190	12.764.778.928
Cộng	**8.104.196.874**	**7.801.804.370**	**16.089.990.765**	**12.915.233.397**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2021

Đơn vị tính: VND

04 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 2 năm 2021	Quý 2 năm 2020	*6 tháng đầu năm 2021*	*6 tháng đầu năm 2020*
Lãi tiền vay	6.468.195.549	7.100.062.262	13.282.784.175	12.030.140.915
Cộng	**6.468.195.549**	**7.100.062.262**	**13.282.784.175**	**12.030.140.915**

05 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 2 năm 2021	Quý 2 năm 2020	*6 tháng đầu năm 2021*	*6 tháng đầu năm 2020*
05 . 1. Chi phí bán hàng				
05 . 2. Chi phí quản lý doanh nghiệp				
Chi phí nguyên, vật liệu	9.978.126	9.978.126	19.956.252	19.956.252
Chi phí công cụ, dụng cụ	22.991.663	32.088.929	44.395.837	110.806.162
Chi phí nhân công	2.574.847.112	2.895.174.421	4.678.449.352	4.775.997.360
Chi phí khấu hao	371.264.409	481.464.246	745.178.860	827.271.705
Chi phí dịch vụ mua ngoài	636.175.317	816.595.709	1.429.723.920	1.180.560.389
Thuế, phí, lệ phí			3.000.000	9.000.000
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(161.854.500)	(14.000.000)	(161.854.500)	(14.000.000)
Các khoản chi phí khác	3.853.683.384	2.604.255.500	5.100.228.463	4.843.323.970
Cộng	**7.307.085.511**	**6.825.556.931**	**11.859.078.184**	**11.752.915.838**

06 . THU NHẬP KHÁC

	Quý 2 năm 2021	Quý 2 năm 2020	*6 tháng đầu năm 2021*	*6 tháng đầu năm 2020*
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	15.598.480.524		19.454.589.810	
Các khoản khác		28.055		35.054
Cộng	**15.598.480.524**	**28.055**	**19.454.589.810**	**35.054**

07 . CHI PHÍ KHÁC

	Quý 2 năm 2021	Quý 2 năm 2020	*6 tháng đầu năm 2021*	*6 tháng đầu năm 2020*
Các khoản tiền chậm nộp		11.720.370	53.192.182	108.335.676
Các khoản khác		42.879.589		42.879.589
Cộng	**93.023.287**	**54.599.959**	**53.192.182**	**151.215.265**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2021

Đơn vị tính: VND

08 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Quý 2 năm 2021	Quý 2 năm 2020	*6 tháng đầu năm 2021*	*6 tháng đầu năm 2020*
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	46.224.565.433	38.221.111.947	76.409.148.019	58.118.382.312
Chi phí nhân công	43.972.252.223	52.407.296.226	94.234.938.465	83.045.054.603
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.631.222.349	1.705.246.625	3.380.246.839	3.410.493.398
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.504.972.652	11.226.090.137	20.415.519.306	20.759.085.159
Chi phí khác bằng tiền	27.536.797.544	24.802.059.859	47.104.182.907	31.865.884.808
Cộng	**129.869.810.201**	**128.361.804.794**	**241.544.035.536**	**197.198.900.280**

09 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý 2 năm 2021	Quý 2 năm 2020	*6 tháng đầu năm 2021*	*6 tháng đầu năm 2020*
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	10.560.130.021	2.972.142.324	11.996.117.728	3.679.128.889
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này				
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**10.560.130.021**	**2.972.142.324**	**11.996.117.728**	**3.679.128.889**

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

01 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không có

02 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có

03 . Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:	*6 tháng đầu năm 2021*	*6 tháng đầu năm 2020*
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	352.457.158.095	700.843.361.769
04 . Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:	*6 tháng đầu năm 2021*	*6 tháng đầu năm 2020*
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường:	412.655.876.503	506.537.396.939

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2021

Đơn vị tính: VND

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

02 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán kỳ

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30/06/2021 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 12/2021/NQ-HĐQT ngà 24 tháng 4 năm 2021, Công ty thực hiện góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Vinalog với tổng số tiền 9.000.000.000 VNĐ, chiếm 30% vốn điều lệ của Công ty này. Công ty Cổ phần Đầu tư Vinalog được thành lập theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0402096333 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 26/4/2021. Công ty đã góp đủ số vốn đăng ký vào Công ty Cổ phần Đầu tư Vinalog trong tháng 07/2021.

03 . Thông tin về các bên liên quan: Xem Phụ lục 1

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2021

Đơn vị tính: VND

04 . Thông tin bộ phận

a. Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý của Công ty, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị sản phẩm và lĩnh vực kinh doanh do đó báo cáo bộ phận theo các các sản phẩm sản xuất và cung cấp dịch vụ như sau:

6 tháng đầu năm 2020	Doanh thu khác	Dịch vụ trung chuyển	Kinh doanh bất động sản	Hoạt động duy tu bảo dưỡng, hầm	Vận hành các trạm thu phí	Hoạt động xây lắp	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	5.734.810.113	7.544.688.636		107.576.584.190	16.909.969.447	72.723.457.053	210.489.509.439
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**5.734.810.113**	**7.544.688.636**		**107.576.584.190**	**16.909.969.447**	**72.723.457.053**	**210.489.509.439**
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	337.435.123	(581.018.469)		33.081.095.286	4.739.602.998	(8.162.466.924)	29.414.648.014
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận							(11.752.915.838)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh							**17.661.732.176**
Doanh thu hoạt động tài chính							12.915.233.397
Chi phí tài chính							(12.030.140.915)
Thu nhập khác							35.054
Chi phí khác							(151.215.265)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							(3.679.128.889)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp							**14.716.515.558**
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác							
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn							**3.410.493.498**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2021

Đơn vị tính: VND

a. Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2021	Doanh thu khác	Dịch vụ trung chuyển	Kinh doanh bất động sản	Hoạt động duy tu bảo dưỡng, hầm	Vận hành các trạm thu phí	Hoạt động xây lắp	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.007.437.663	5.816.050.000		121.000.466.362	29.287.948.091	94.545.630.910	251.657.533.026
Doanh thu thuần cung cấp giữa các bộ phận							
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**1.007.437.663**	**5.816.050.000**		**121.000.466.362**	**29.287.948.091**	**94.545.630.910**	**251.657.533.026**
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	409.672.273	144.069.165		45.154.009.183	5.521.760.208	13.448.380.111	64.677.890.940
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận							(11.859.078.184)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh							**52.818.812.756**
Doanh thu hoạt động tài chính							16.089.990.765
Chi phí tài chính							(13.282.784.175)
Thu nhập khác							19.454.589.810
Chi phí khác							(53.192.182)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							(11.996.117.728)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp							**63.031.299.246**
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác							**167.200.000**
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn							**3.380.246.839**

- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

01/01/2021	Doanh thu khác	Dịch vụ trung chuyển	Bất động sản đầu tư	Vận hành, bảo dưỡng Hầm	Vận hành các trạm thu phí	Hoạt động xây lắp	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	18.200.668.612	13.014.731.404	7.590.950.704	1.305.536.361	257.253.285	7.709.832.826	48.078.973.192
Tài sản không phân bổ							3.500.293.751.532
Tổng tài sản	**18.200.668.612**	**13.014.731.404**	**7.590.950.704**	**1.305.536.361**	**257.253.285**	**7.709.832.826**	**3.548.372.724.724**
Nợ phải trả bộ phận				248.903.276.058		117.462.661.034	366.365.937.092
Nợ phải trả không phân bổ							442.191.841.457
Tổng nợ phải trả				**248.903.276.058**		**117.462.661.034**	**808.557.778.549**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2021

Đơn vị tính: VND

- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

30/06/2021	Doanh thu khác	Dịch vụ trung chuyển	Bất động sản đầu tư	Vận hành, bảo dưỡng Hầm	Vận hành các trạm thu phí	Hoạt động xây lắp	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	163.534.321.458	13.591.979.235	7.658.656.991	125.570.775.233	48.091.563.824	209.033.704.531	567.481.001.272
Tài sản không phân bổ							2.963.711.406.288
Tổng tài sản	**163.534.321.458**	**13.591.979.235**	**7.658.656.991**	**125.570.775.233**	**48.091.563.824**	**209.033.704.531**	**3.531.192.407.560**
Nợ phải trả bộ phận		114.372.980		58.582.470.108		163.430.278.767	222.127.121.855
Nợp phải trả không phân bổ							506.219.040.284
Tổng nợ phải trả		**114.372.980**		**58.582.470.108**		**163.430.278.767**	**728.346.162.139**

b. Báo cáo thứ yếu theo Khu vực địa lý

6 tháng đầu năm 2020	Đà Nẵng	Huế	Phú yên, Khánh Hòa	Bắc Giang, Lạng Sơn	Tiền giang	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung	106.279.825.274	16.237.623.072	69.951.445.041	17.949.604.234		71.011.818	210.489.509.439
Tài sản bộ phận							3.548.372.724.724
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài							

6 tháng đầu năm 2021	Đà Nẵng	Huế	Phú yên, Khánh Hòa	Bắc Giang, Lạng Sơn	Tiền giang	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và	53.489.904.843	35.940.350.002	72.506.963.637	26.027.013.636	63.693.300.908		251.657.533.026
Tài sản bộ phận							3.531.192.407.560
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài							167.200.000

05 . Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

a) Tài sản tài chính	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	30/06/2021		*01/01/2021*		*30/06/2021*	*01/01/2021*
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*		
Tiền và các khoản tương đương tiền	69.506.233.235		76.734.825.238		69.506.233.235	76.734.825.238
Phải thu khách hàng	236.200.721.144	11.035.892.482	288.399.822.070	11.035.892.482	225.164.828.662	277.363.929.588
Trả trước cho người bán	18.127.476.742	1.301.620.413	9.706.806.018	1.303.951.913	16.825.856.329	8.402.854.105
Các khoản phải thu khác	172.007.023.411	873.033.836	165.975.402.365	1.032.556.836	171.133.989.575	164.942.845.529
Đầu tư tài chính dài hạn	2.885.965.900.000		2.875.965.900.000		2.885.965.900.000	2.875.965.900.000
Cộng	**3.381.807.354.532**	**13.210.546.731**	**3.416.782.755.691**	**13.372.401.231**	**3.368.596.807.801**	**3.403.410.354.460**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2021

Đơn vị tính: VND

b) Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	30/06/2021		*01/01/2021*		*30/06/2021*	*01/01/2021*
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*		
Phải trả cho người bán	140.427.940.534		166.742.868.656		140.427.940.534	166.742.868.656
Người mua trả tiền trước	108.449.663.674		108.803.239.940		108.449.663.674	108.803.239.940
Vay và nợ	373.115.909.734		433.314.628.142		373.115.909.734	433.314.628.142
Phải trả người lao động	8.445.723.213		11.253.522.652		8.445.723.213	11.253.522.652
Các khoản phải trả khác	44.047.710.849		34.020.233.167		44.047.710.849	34.020.233.167
Cộng	**674.486.948.004**		**754.134.492.557**		**674.486.948.004**	**754.134.492.557**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

06 . Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2021

Đơn vị tính: VND

b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.
Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.
Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	140.427.940.534			140.427.940.534
Người mua trả tiền trước	98.238.156.574	10.211.507.100		108.449.663.674
Vay và nợ	154.695.659.734	218.420.250.000		373.115.909.734
Chi phí phải trả	27.537.391.190			27.537.391.190
Các khoản phải trả phải nộp khác	44.047.710.849			44.047.710.849
Cộng	**464.946.858.881**	**228.631.757.100**		**693.578.615.981**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

c. . Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chuyển đổi, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2021

Đơn vị tính: VND

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Do Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty có số dư gốc ngoại tệ không đáng kể nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

- Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc của công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

07 . Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

08 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo riêng cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc ngày 30/6/2020 đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 07 năm 2021

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc
HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT	NGUYỄN VĂN ÂN	NGUYỄN QUANG HUY

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II năm 2021

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đơn vị tính: VND

01 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt		*6 tháng đầu năm 2021*	*6 tháng đầu năm 2020*
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		**384.000.000**	**408.000.000**
Hồ Minh Hoàng	*Chủ tịch HĐQT*	*60.000.000*	*60.000.000*
Nguyễn Tấn Đông	*Phó CT HĐQT*	*48.000.000*	*48.000.000*
Đỗ Văn Nam	*Thành viên HĐQT*		*27.500.000*
Nguyễn Xuân Hưởng	*Phó CT HĐQT*		*44.000.000*
Trần Văn Thế	*Phó CT HĐQT*	*48.000.000*	*48.000.000*
Võ Thụy Linh	*Thành viên HĐQT*	*30.000.000*	*30.000.000*
Nguyễn Đình Chính	*Thành viên độc lập HĐQT*		*27.500.000*
Hoàng Văn Hải	*Thành viên HĐQT*	*30.000.000*	*7.500.000*
Nguyễn Thanh Trang	*Thành viên HĐQT*	*30.000.000*	*7.500.000*
Trần Chủng	*Thành viên HĐQT*	*30.000.000*	*8.000.000*
Nguyễn Minh Giang	*Trưởng ban kiểm soát*	*48.000.000*	*42.000.000*
Phạm Lê Huy	*Thành viên BKS*		*22.000.000*
Lưu Tuấn Vũ	*Thành viên BKS*		*22.000.000*
Cam Thị Minh Hải	*Thành viên BKS*	*30.000.000*	*7.000.000*
Đỗ Thế Vinh	*Thành viên BKS*	*20.000.000*	*7.000.000*
Phan Thị Mai	*Thành viên BKS*	*10.000.000*	
Tiền lương		**514.285.714**	**783.595.813**
Nguyễn Quang Huy	*- Tổng giám đốc*	*60.000.000*	
Nguyễn Xuân Hưởng	*- Phó Tổng giám đốc*		*240.000.000*
Lê Hồng Vũ	*- Phó Tổng giám đốc*		*30.000.000*
Võ Ngọc Trung	*- Phó Tổng giám đốc*	*190.000.000*	*150.000.000*
Lê Châu Thắng	*- Phó Tổng giám đốc*		*134.074.074*
Trần Văn Dũng	*- Phó Tổng giám đốc*	*84.285.714*	
Lưu Tuấn Vũ	*- TV Ban kiểm soát*		*78.000.000*
An Văn Thiện	*-Kế toán trưởng*		*142.391.304*
Nguyễn Văn Ân	*-Kế toán trưởng*	*180.000.000*	*9.130.435*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

02 Giao dịch với các bên liên quan khác:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
- Công ty cổ phần Tập Đoàn Đèo cả	*Công ty mẹ*
- Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	*Công ty con*
- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	*Công ty con*
- Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	*Công ty con*
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	*Công ty liên kết*
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	*Công ty liên kết*
- Cty cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	*Công ty liên kết*
- Công ty Cổ phần Đầu tư ViNaLog(*)	*Công ty liên kết*
- Hồ Minh Hoàng	*Chủ tịch HĐQT*
-Công ty Cổ phần Đầu tư Hải thạch B.O.T	*Cổ đông lớn*
-Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	*Cổ đông lớn*
- Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát	*Công ty con của công ty mẹ*
-Công ty cổ phần Đầu tư thương mại Quốc tế Hà Thành	*Cổ đông*
- Công ty Cổ phần tập đoàn Hải Thạch	*Cổ đông*
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z	Người có liên quan của ông Nguyễn Thanh Trang, Phan Thị Mai
- Công ty Cổ phần An ninh Đèo Cả	Người có liên quan của ông Nguyễn Thanh Trang, Nguyễn Minh Giang
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	Người có liên quan của ông Nguyễn Quang Huy
- Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, Nguyễn Tấn Đông, Nguyễn Minh Giang
-Công ty cổ phần quản lý và khai thác đường cao tốc Đèo cả	Người có liên quan của Phan Thị Mai
- Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Đèo Cả (**)	Người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng

(*) Công ty Cổ phần Đầu tư Vinalog được thành lập theo Giấy phép đăng ký doanh nghiệp số 0402096333 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 26/4/2021. Vốn điều lệ là 30.000.000.0000 đồng, trong đó vốn góp của Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng giao thông Đèo Cả là 9.000.000.000 đồng (tương ứng với 30% cổ phần Công ty).

(**) Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Đèo Cả được đổi tên từ Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Hạ tầng Giao thông Việt Nam theo Giấy phép đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05 tháng 02 năm 2021.

Tóm tắt hoạt động của các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ:

- Công ty con

Tên Công ty	*Tỷ lệ lợi ích*	*Tỷ lệ quyền biểu quyết*	*Lợi nhuận sau thuế*	*Lợi nhuận chưa phân phối*
- Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	65,58%	65,58%	34.296.014.110	(18.369.756.594)
- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	70,36%	70,36%	37.872.854.235	(371.848.220.852)
- Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	99,47%	99,47%	17.066.823.679	850.371.059

- Công ty liên doanh, liên kết

Tên Công ty	*Tỷ lệ lợi ích*	*Tỷ lệ quyền biểu quyết*	*Lợi nhuận sau thuế*	*Lợi nhuận chưa phân phối*
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	21,95%	21,95%	3.493.293.932	11.647.813.889
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	47,04%	50,00%	61.521.026.011	205.207.936.694
- Cty cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	31,60%	29,25%	1.856.124.085	3.660.454.734

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	**Mối quan hệ**	*Nội dung nghiệp vụ*	*6 tháng đầu năm 2021*	*6 tháng đầu năm 2020*
+ Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	Công ty con			
		Đặt cọc góp vốn	59.000.000.000	40.500.000.000
		Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường	13.031.247.272	11.697.531.282
		Doanh thu vận hành các trạm thu phí	12.995.766.364	6.060.576.588
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo cả	Công ty con			
		Doanh thu hoạt động xây lắp	4.247.769.091	63.249.985.456
		Doanh thu vận hành trạm thu phí	9.692.041.819	6.490.323.558
		Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường	96.738.526.362	91.004.276.363
		Đặt cọc góp vốn	64.500.000.000	137.700.000.000
		Trả lại tiền đặt cọc góp vốn	58.500.000.000	

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau(tiếp theo)

Bên liên quan	**Mối quan hệ**	*Nội dung nghiệp vụ*	*6 tháng đầu năm 2021*	*6 tháng đầu năm 2020*
+ Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Công ty con	Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường	9.335.789.091	2.368.424.727
		Doanh thu hoạt động xây lắp	19.243.624.547	
		Doanh thu vận hành trạm thu phí	3.375.617.181	1.656.562.363
		Ứng trước cổ tức	15.284.143.190	12.764.778.928
+ Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty liên kết	Doanh thu thép	28.110.390	
		Doanh thu nước uống đóng chai	1.196.364	14.778.183
		Doanh thu thuê văn phòng		113.636.363
		Chi phí mua vật tư đá		3.227.875.091
		Chi phí bê tông các loại		5.815.796.680
		Chi phí thuê thiết bị, thuê xe	522.727.274	512.786.362
+ Công ty cổ phần Đầu tư BOT Đèo cả Khánh Hòa	Công ty liên kết	Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường	1.894.903.637	2.506.351.818
		Doanh thu vận hành trạm thu phí	3.224.522.727	2.702.506.938
		Ứng trước công trình tuyến QL1KH	20.408.568.964	
+ Công Ty cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	Công ty liên kết	Đầu tư dài hạn	10.000.000.000	
+ Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo cả	Công ty mẹ	Doanh thu cho thuê thiết bị, phương tiện		154.545.453
		Doanh thu hoạt động xây lắp	1.485.923.636	8.198.526.143
		Doanh thu nước uống đóng chai	2.900.908	30.477.271
		Chi phí vé máy bay	159.108.230	197.941.133
		Chi phí cung cấp công nghệ thông tin	533.295.000	476.647.500
		Chi phí mua vật tư đá	10.823.739.455	
		Chi phí đào tạo thạc sĩ	180.000.000	
		Cho Công ty Vay tiền	66.100.000.000	190.100.000.000
		Tiền lãi vay	6.007.950.270	5.286.835.616

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	*Nội dung nghiệp vụ*	*6 tháng đầu năm 2021*	*6 tháng đầu năm 2020*
+ Công ty cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Cổ đông lớn	Cho Công ty vay tiền	125.400.000.000	202.000.000.000
		Tiền lãi vay	403.046.576	3.519.705.479
		Nhận trả nợ góp vốn		203.750.000.000
+ Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Cổ đông lớn	Tiền lãi vay	3.649.753.425	488.583.334
		Thanh toán tiền lãi	95.000.000	
		Cho Công ty vay tiền		92.000.000.000
+ Công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z	Người có liên quan của Nguyễn Thanh Trang Phan Thị Mai	Doanh thu cho thuê xe	190.909.092	668.181.828
		Doanh thu cho thuê bất động sản		183.090.908
		Doanh thu cung cấp dịch vụ		706.110.000
		Thu tiền cung cấp dịch vụ	2.140.630.137	
		Tiền lãi	19.397.260	
		Thanh toán tiền cho Cty vay	2.000.000.000	
		Thanh toán tiền lãi vay	140.630.137	
+ Công ty cổ phần An Ninh Đèo cả	Người có liên quan của Nguyễn Thanh Trang Nguyễn Minh Giang	Chi phí dịch vụ bảo vệ	12.806.852.652	11.112.920.183
		Thanh toán tiền dịch vụ bảo vệ	15.614.162.252	3.300.000.000
+ Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Hoàng Long	Người có liên quan Nguyễn Quang Huy	Doanh thu thuê xe	218.181.816	
		Doanh thu cho thuê VP		162.363.637
		Chi phí thí nghiệm công trình	1.313.229.176	
+ Công ty cổ phần BOT trung lương mỹ thuận	Người có liên quan của Hồ Minh Hoàng Nguyễn Tấn Đông Nguyễn Minh Giang	Doanh thu thuê xe	163.636.364	190.909.089
		Thu tiền thuê xe	270.000.000	120.000.000
+ Công ty cổ phần quản lý và khai thác đường cao tốc Đèo cả	Người có liên quan của Phan Thị Mai	Chi phí duy tu cao tốc BGLS	2.887.059.090	
		Thanh toán tiền chi phí duy tu	950.000.000	

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	*Nội dung nghiệp vụ*	*30-06-2021*	*01-01-2021*
- PHẢI THU NGẮN HẠN				
+ Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	Công ty con	Phải thu duy tu bảo dưỡng hầm, đường	16.049.416.652	20.603.812.712
		Phải thu thi công hoạt động xây lắp	1.217.433.000	1.217.433.000
		Tổng cộng	**17.266.849.652**	**21.821.245.712**
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo cả	Công ty con			
		Phải thu duy tu bảo dưỡng hầm, đường	45.836.770.250	143.001.325.500
		Phải thu vận hành trạm thu phí	653.841.260	2.786.170.997
		Phải thu thi công hoạt động xây lắp	39.274.164.522	37.652.285.312
		Phải thu dịch vụ khác	965.078.270	965.078.270
		Tổng cộng	**86.729.854.302**	**184.404.860.079**
+ Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Công ty con	Phải thu tiền vận hành trạm thu phí	519.324.900	614.754.900
		Phải thu tiền thi công công trình xây lắp	31.070.952.320	13.017.985.320
		Phải thu Vận hành các trạm thu phí	16.342.744.000	43.523.187.000
		Tổng cộng	**47.933.021.220**	**57.155.927.220**
+ Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty liên kết	Phải thu	1.357.094.305	1.324.856.876
+ Công ty cổ phần Đầu tư BOT Đèo cả Khánh Hòa	Công ty liên kết			
		Phải thu duy tu bảo dưỡng hầm, đường		1.367.286.600
		Phải thu Vận hành các trạm thu phí		990.919.211
		Ứng trước thi công hoạt động xây lắp		
		Tổng cộng		**2.358.205.811**
+ Công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z	Người có liên quan của	Phải thu cho thuê xe	210.000.000	
	Nguyễn Thanh Trang	Phải thu cho thuê bất động sản		287.557.252
	Phan Thị Mai	Phải thu cung cấp dịch vụ	653.866.715	2.506.939.600
		Tổng cộng	**863.866.715**	**2.794.496.852**
+ Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Hoàng Long	Người có liên quan Nguyễn Quang Huy	Phải thu thuê xe	360.000.000	120.000.000
		Phải thu cho thuê bất động sản	228.000.000	228.000.000
		Tổng cộng	**588.000.000**	**348.000.000**

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	**Mối quan hệ**	*Nội dung nghiệp vụ*	*30-06-2021*	*01-01-2021*
+ Công ty cổ phần BOT trung lương mỹ thuận	Người có liên quan của Hồ Minh Hoàng Nguyễn Tấn Đông Nguyễn Minh Giang	Phải thu thuê xe	90.000.000	180.000.000
- TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN				
+ Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Hoàng Long	Người có liên quan Nguyễn Quang Huy	Phải trả		(83.612.662)
- PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC				
+ Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	Công ty con	Đặt cọc góp vốn	114.300.000.000	55.300.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo cả	Công ty con	Tiền bảo hành các công trình xây lắp	14.881.361.082	36.478.301.782
		Đặt cọc tiền góp vốn	38.000.000.000	32.000.000.000
		Tổng cộng	**167.181.361.082**	**123.778.301.782**
+ Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo cả	Công ty mẹ	Đặt cọc tiền vé máy bay	100.000.000	100.000.000
- PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN				
+ Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty liên kết	Phải trả	21.288.793.022	20.713.793.022
+ Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo cả	Công ty mẹ	Phải trả tiền vé máy bay	924.164.160	749.145.107
		Phải trả tiền cung cấp công nghệ thông tin	2.159.561.250	1.572.936.750
		Phải trả mua công cụ dụng cụ, tài sản	558.936.253	558.936.253
		Phải trả mua vật tư đá	4.788.481.894	4.756.706.259
		Phải trả mua đồng phục	1.304.174.025	1.304.174.025
		Phải trả khác	6.467.378.826	6.467.378.826
		Phải trả chi phí đào tạo thạc sĩ	180.000.000	
		Tổng cộng	***16.382.696.408***	***15.409.277.220***

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	*Nội dung nghiệp vụ*	*30-06-2021*	*01-01-2021*
+ Công ty cổ phần An Ninh Đèo cả	Người có liên quan của Nguyễn Thanh Trang Nguyễn Minh Giang	Phải trả cung cấp dịch vụ	12.548.079.966	14.074.704.300
+ Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Hoàng Long	Người có liên quan của ông Nguyễn Quang Huy	Phải trả	1.360.939.432	
+ Công ty cổ phần quản lý và khai thác đường cao tốc Đèo cả	Người có liên quan của Phan Thị Mai	Phải trả	2.225.765.000	
- NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN				
+ Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo cả	Công ty mẹ	Ứng trước thi công hoạt động xây lắp	65.942.621.247	65.640.993.207
+ Công ty cổ phần Đầu tư BOT Đèo cả Khánh Hòa	Công ty liên kết	Ứng trước thi công hoạt động xây lắp	18.632.434.164	
- PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC				
+ Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo cả	Công ty mẹ	Tiền lãi vay	21.820.403.881	15.812.453.611
		Phải trả tiền đào tạo thạc sĩ		180.000.000
		Bù trừ công nợ các gói công trình	(705.348.657)	(705.348.657)
		Tổng cộng	**21.115.055.224**	**15.287.104.954**
+ Công ty cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Cổ đông lớn	Tiền lãi vay	6.349.895.891	5.946.849.315
+ Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Cổ đông lớn	Tiền lãi vay	7.674.788.813	4.120.035.388
+ Công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z	Người có liên quan của Nguyễn Thanh Trang Phan Thị Mai	Tiền lãi vay	19.397.260	140.630.137
VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN				
+ Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo cả	Công ty mẹ	Cho Công ty vay tiền	13.231.895.603	178.631.895.603
+ Công ty cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Cổ đông lớn	Cho Công ty vay tiền	2.000.000.000	2.000.000.000

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	**Mối quan hệ**	*Nội dung nghiệp vụ*	*30-06-2021*	*01-01-2021*
NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC DÀI HẠN				
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo cả	Công ty con	Ứng trước thi công xây lắp	10.211.507.100	10.211.507.100
VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN				
+ Công ty cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Cổ đông lớn	Cho Công ty vay tiền	125.400.000.000	
+ Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Cổ đông lớn	Cho Công ty vay tiền	92.000.000.000	92.000.000.000
+ Công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z	Người có liên quan của Nguyễn Thanh Trang, Phan Thị Mai	Cho Công ty vay tiền		2.000.000.000

Ghi chú: Các giao dịch với bên liên quan đã thực hiện đúng theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy đinh chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và quy định pháp lý có liên quan